

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2018

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Ngà

2. Bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thom- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Bà Đào Ngọc Dung

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Xuân H, sinh năm 1947 “*vắng mặt*”.

Địa chỉ: Thôn H, xã PX, huyện MĐ, thành phố HN

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn AT, xã TD, huyện TL, tỉnh HY. “*vắng mặt*”.

3. Người làm chứng:

Chị Trần Thị N

Địa chỉ: Thị trấn HL, huyện MS, tỉnh SL

Anh Trần Văn H

Địa chỉ: Thôn AT, xã TD, huyện TL, tỉnh HY

Bà Đỗ Thị H

Địa chỉ: Thôn H, xã PX, huyện MĐ, thành phố HN “*vắng mặt*”

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị D có thời gian tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông, bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hải Hưng (cũ) vào ngày 13/2/1969 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, ông bà chung sống cùng nhau tại xã TD, ông đi làm công nhân địa chất khoáng sản còn bà D ở nhà lao động sản xuất và nuôi con. Ông bà chung sống bình thường đến năm 1993 thì ly thân do ông không còn tình cảm với bà D, ông sống ở MĐ, thành phố HN còn bà D vẫn ở quê. Hàng năm, ông có về quê một đôi lần khi họ hàng có giỗ và có công việc. Trước đây vì nhiều lý do ông nghĩ vợ chồng cứ sống ly thân cũng được nhưng đến bây giờ, sau một vài lần bà D đối xử với ông không được đúng nghĩa nên ông quyết định ly hôn với bà D. Ông xác định ông và bà D không còn tin tưởng nhau và nói chuyện, chia sẻ được với nhau. Đến nay, cả hai ông bà đều đã già và ông chỉ muốn có một cuộc sống bình yên đến khi cuối đời. Ông xác định đã nhiều năm nay, quan hệ hôn nhân của ông và bà D không còn tồn tại trên thực tế vì ông bà sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, kinh tế của ai người ấy lo nên không đem lại hạnh phúc cho nhau. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà D và đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Trần Thị H, sinh năm 1971, Trần Thị N, sinh năm 1975 và Trần Văn H, sinh năm 1980. Hiện các con ông bà đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thị D trình bày thống nhất với ông H về thời gian, địa điểm kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc cũng như thời điểm bà và ông H chính thức sống ly thân. Tuy nhiên, bà xác định ông H không còn tình cảm với bà và muốn ly hôn là do ông H đang ở cùng với người phụ nữ khác tên Đỗ Thị H ở xã PX, huyện MĐ, thành phố HN. Việc này bà chỉ được biết như vậy mà không có bằng chứng cụ thể. Bà cũng không báo chính quyền địa phương sở tại về việc ông H và bà Hoa sống chung như vợ chồng do bà không muốn làm to chuyện và không muốn sự việc phức tạp do cả hai đều đã nhiều tuổi. Nay ông H có đơn xin ly hôn bà xác định không còn tình cảm với ông H nhưng không nhất trí mà chỉ muốn giữ nguyên việc sống ly thân như hiện nay do cả hai đều đã nhiều tuổi. Nếu ông H muốn ly hôn thì bà để ông H tự giải quyết một phía.

Về con chung, tài sản chung: Bà D trình bày thống nhất với ông H và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người làm chứng gồm anh Trần Văn H, chị Trần Thị N (con đẻ của ông H, bà D) trình bày bố mẹ anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Bản thân ông H sống ở MĐ, HT và không quan tâm gì đến bà D và các con cả về vật chất lẫn tinh thần. Việc

ông H cho rằng bà D và các con không quan tâm đến ông H là không đúng vì có lần ông H ốm nặng, chính các anh chị là người đón ông về chăm sóc, thuốc thang, sau đó ông H tự trốn đi lên MĐ và không về nữa. Nay ông H có đơn xin ly hôn với bà D là do ông H đi theo người phụ nữ khác tên Đỗ Thị H nhưng anh, chị không có tài liệu, bằng chứng nào để cung cấp cho Tòa án. Anh chị không đồng ý việc ông H ly hôn với bà D mà chỉ chấp nhận việc ông bà sống ly thân như trước và cho đến cuối đời.

Bà Đỗ Thị H xác định bà và ông H chỉ là bạn bè, không có quan hệ gì khác. Hiện bà đang sống cùng nhà với con trai là Nguyễn Văn D và con dâu là Bùi Thị H.

Ủy ban nhân dân xã TD cung cấp: Ông H và bà D có khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban hành chính xã TD từ năm 1969. Ông bà đã có mâu thuẫn từ rất lâu do không ai quan tâm đến ai. Ông H trước đây làm công nhân địa chất trên HT, rất ít khi về với mẹ con bà D.

Ông Hoàng Đức H, Phó trưởng công an xã PX cung cấp: Bà Đỗ Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã PX cùng với con trai tên Nguyễn Văn D. Bà Hoa và ông Trần Xuân H có cùng chung sống với nhau không thì địa phương không nắm được do cả hai đều có sổ hộ khẩu riêng và địa phương cũng chưa bao giờ giải quyết hoặc lập biên bản về việc ông H sống chung với bà H như vợ chồng.

Tại phiên tòa, ông Trần Xuân H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Bùi Thị D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tiến hành phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56; điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho ông H được ly hôn bà D; về con chung: đã thành niên nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông H khởi kiện xin ly hôn với bà D có nơi cư trú tại xã TD, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND

huyện Tiên Lữ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; bà D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD theo giấy khai đăng ký kết hôn ngày 13/2/1969. Do vậy, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khoảng cách địa lý, ông H công tác ở Hà Tây, rất ít khi về nhà trong khi bà D và các con ở quê nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Ông bà đều thừa nhận đã sống ly thân với nhau từ năm 1993, kinh tế của ai người ấy tự lo. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà D và muốn chấm dứt tình trạng sống ly thân với bà D đã kéo dài từ nhiều năm nay. Bà D cũng xác định không còn tình cảm với ông H nhưng không nhất trí ly hôn do cả hai đều đã nhiều tuổi mà chỉ muốn duy trì việc sống ly thân như từ trước đến nay. Tuy nhiên, HĐXX xét căn cứ bà D đưa ra để không đồng ý ly hôn là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ pháp luật về hôn nhân và gia đình của Việt Nam quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau mà chưa thừa nhận việc vợ chồng sống ly thân như quan điểm của bà. Bên cạnh đó, bà còn cho rằng ông H có tình cảm và hiện chung sống với người phụ nữ khác tên Hoa tại xã Phùng Xá nhưng bà không có bất cứ chứng cứ nào để chứng minh. Theo cung cấp của Công an xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội thì ông H và bà Hoa đều có hộ khẩu thường trú tại xã và là hai hộ riêng biệt, chính quyền xã chưa bao giờ nhận đơn và xem xét, xử lý đối với việc ông H sống chung với bà Hoa như vợ chồng. Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, bà D chỉ có mặt tại phiên hoà giải lần thứ nhất, khi Toà án thông báo mở phiên hoà giải lần thứ hai thì bà D vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Điều này thể hiện bà D không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với ông H trong khi ông H kiên quyết xin ly hôn. HĐXX xét thấy, ông H và bà D không còn tình cảm và sự tin tưởng lẫn nhau. Thực tế ông bà đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai và không có sự chăm sóc, chia sẻ với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là những căn cứ ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên toà.

[3]. Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Trần Thị H, sinh năm 1971, Trần Thị N, sinh năm 1975 và Trần Văn H, sinh năm 1980. Hiện các con ông bà đều đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu, đề nghị gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự đều không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông Trần Xuân H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên toà về thủ tục tố tụng, quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, án phí ly hôn là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56; điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Trần Xuân H được ly hôn bà Bùi Thị D.
2. Về con chung, tài sản chung: Không xem xét, giải quyết
3. Về án phí: Ông Trần Xuân H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 004214 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Ông H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hương

